

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH T N**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2020/DS-PT

Ngày: 28-8-2020.

V/v “*TrAh chấp về thừa kế tài sản*” và
“*Đòi lại giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất*”.

**NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH T N**

- T phân Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Các thẩm phán: Ông Lâm Văn Be;

Ông Nguyễn Văn Sơn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lâm Thị Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh T N.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T N tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Châu- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2020/TLPT-DS ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc “*TrAh chấp về thừa kế tài sản*” và “*Đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 12-5-2020 của Tòa án nhân dân thị xã H T, tỉnh T N bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2020/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn X, sinh năm 1938; Nơi cư trú: A3/6, ấp Trường X, xã Trường H, thị xã H T, tỉnh T N; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Võ Văn X: Ah Diệp Văn C, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Số 56, đường số 24 Bời Lời, khu phố N T, phường N S, T phố T N, tỉnh T N; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Đoàn Thị Ánh M, sinh năm 1978; Nơi cư trú: 138/12B, ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn chị Đoàn thị Ánh M là luật sư: Nguyễn Văn S – Công ty Luật TNHH Bách Khoa - Chi nhánh T N; có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ah Đặng Minh T, sinh năm 1998; Nơi cư trú: 138/12C, ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N; vắng mặt.

3.2. Chị Đặng Thị T1, sinh năm 1981; Nơi cư trú: E3/3D, ấp Trường X, xã Trường H, thị xã H T, tỉnh T N; có mặt.

3.3. Ah Nguyễn Hữu T, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N; vắng mặt.

3.4 Ah Đặng Văn T2, sinh năm 1972; Nơi cư trú: 138/12B, ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn chị Đoàn Thị Ánh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Võ Văn X và người đại diện hợp pháp của ông X anh Diệp Văn C trình bày:

Bà Đặng Thị Út với ông Võ Văn X là vợ chồng hợp pháp (có giấy đăng ký kết hôn năm 2014). Trong quá trình chung sống không có con chung, cũng không có con nuôi. Năm 2017 bà Út chết không để lại di chúc, tài sản bà Út để lại là 05 phần đất cụ thể:

- Phần đất thứ nhất tọa lạc tại ấp Trường X, xã Trường H, thị xã H T, tỉnh T N, đã được Ủy ban nhân dân huyện H T (nay là UBND thị xã H T), tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri phát hành là BN 080006, số vào sổ cấp GCN: CH01221 ngày 27/02/2013; thửa đất khi được cấp GCN số 108 (thửa đất mới sau khi đã chuyển nhượng là số 575), tờ bản đồ số 36, diện tích theo Giấy chứng nhận lúc cấp là 1572m² (diện tích còn lại sau khi đã chuyển nhượng là 607,8m²) trên đất có 01 căn nhà cấp 4, móng gạch đá 4 x 6 nền xi măng, cửa đi khung sắt đóng tole, kèo đòn tay xây dựng, không trần, mái tole có diện tích ngAg 5,8m x dài 09m = 52,2m². Nhà bếp, nhà tạm c, nền xi măng, vách đóng tole, cột kèo đòn tay gỗ tạp, mái tole, diện tích ngAg 50m x dài 4,7m = 23,5m².

- Phần đất thứ hai tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N, đã được Ủy ban nhân dân huyện H T, tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00565/03 ngày 17/6/2005; thửa số 27, tờ bản đồ số 11, diện tích 1570,2 m².

- Phần đất thứ ba tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N đã được Ủy ban nhân dân huyện H T (nay là UBND thị xã H T), tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00566/03 ngày 17/6/2005; thửa số 32, tờ bản đồ số 11, diện tích 1170,7 m².

- Phần đất thứ tư tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N, đã được Ủy ban nhân dân huyện H T, tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00567/03 ngày 17/6/2005; thửa số 34, tờ bản đồ số 11, diện tích 409,4 m².

- Phần đất thứ năm tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N đã được Ủy ban nhân dân huyện H T (nay là UBND thị xã H T), tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00568/03 ngày 17/6/2005; thửa số 35, tờ bản đồ số 11, diện tích 1193,7 m².

Sau khi bà Út chết, chị M là cháu dâu của bà Út đã giữ 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên không giao cho ông X, để làm thủ tục thừa kế theo quy định.

Ngày 20-4-2017, Ủy ban nhân dân (UBND) xã Trường H tổ chức H giải, tại buổi H giải thư ký đã ghi không đúng lời trình bày của ông X, nên ông X đã yêu cầu UBND xã Trường H H giải lại nhưng không T, hơn nữa phần đất ở xã Trường T mà UBND xã Trường H H giải là không đúng theo thẩm quyền; 05 quyền sử dụng đất nêu trên là di sản của bà Út chết để lại, chị M không liên quan đến việc thừa hưởng di sản của bà Út nhưng cố tình giữ 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là trái quy định của pháp luật.

Nay ông X yêu cầu chia di sản của bà Đặng Thị Út để lại là 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và toàn bộ tài sản khác gắn liền với đất cho ông được thừa hưởng, vì ông X là người thừa kế duy nhất theo quy định của pháp luật, buộc chị Đoàn Thị Ánh M có nghĩa vụ trả lại cho ông Võ Văn X 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Ngoài ra ông X không yêu cầu gì khác.

Chị Đoàn Thị Ánh M trình bày:

Chị là cháu dâu của bà Đặng Thị Út, chồng chị tên Đặng Văn T2 là con của bà Đặng Thị Huệ, bà Huệ là chị của bà Út. Tại Ủy ban nhân dân xã Trường H, ông X đã ký tên giao cho Đặng Minh T tài sản này, được sự ủy quyền của Ah Đặng Minh T làm thủ tục nên chị mới giữ 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Nguồn gốc phần đất này là của bà Ôi là bà ngoại chồng của chị (bà Ngô Thị Huế) để lại nên cần xác định bà Út thừa kế phần đất này có đúng theo quy định của pháp luật không, bà Út và ông X có được quyền bán phần đất này cho người khác không, đã bán cho ai, bán như thế nào. Ông X kết hôn với bà Út có đúng theo quy định của pháp luật không, vì theo bà Út, ông X không có hộ khẩu để lãnh tiền người cao tuổi nên bà Út mới thương tình cho nhập hộ khẩu, muốn nhập hộ khẩu thì phải đăng ký kết hôn nên ông X mới có giấy chứng nhận kết hôn với bà Út. Ông X và bà Út không có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị yêu cầu làm rõ tài sản hưởng thừa kế của ông bà để lại, ông X có trách nhiệm với bà Út không, vợ chồng chị yêu cầu vợ chồng ông X bồi thường thiệt hại do Ah dự nhân phẩm và trả cho vợ chồng chị 01 xe ô tô 7 chỗ hiệu Suzuki. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Ah Đặng Văn T2 trình bày: thống nhất lời trình bày của chị M, Ah không bổ sung gì thêm.

Theo biên bản ngày 07-11-2019 và ngày 06-01-2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị T1 trình bày:

Chị là cháu bà Đặng Thị Út, chị đang canh tác trên 04 phần đất lúa ở xã Trường T, trước đây chị có cho anh Nguyễn Hữu T thuê nhưng nay đã hết hạn. Nay ông X yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Út để lại và yêu cầu chị M trả lại 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên chị không có yêu cầu gì. Sau này khi xét xử xong phần đất của ai thì chị sẽ giao lại cho người đó, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 07-11-2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Hữu T trình bày:

Anh là người thuê đất của chị T1 để trồng lúa, thời hạn thuê là 01 năm, tiền thuê là 5.000.000 đồng/01 năm, thuê không có làm giấy tờ cũng như không có đưa

trước tiền thuê, đến nay đã hết hạn hợp đồng, Ah cũng không thuê nữa. Ah không có yêu cầu gì hết.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Anh Đặng Minh T vắng mặt không có lý do.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 12-5-2020 của Tòa án nhân dân thị xã H T, tỉnh T N.

Căn cứ Điều 166; Điều 609, Điều 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn X đối với chị Đoàn Thị Ánh M và Ah Đặng Văn T2 về việc “*TrAh chấp về thừa kế tài sản*”.

Ông Võ Văn X được quyền quản lý, sử dụng 05 phần đất cụ thể:

- Phần đất thứ nhất tọa lạc tại ấp Trường X, xã Trường H, huyện H T (nay thị xã H T), tỉnh T N, đã được Ủy ban nhân dân huyện H T (nay Ủy bA nhân dân thị xã H T), tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri phát hành là BN 080006, số vào sổ cấp giấy chứng: CH01221 ngày 27/02/2013; thửa đất khi được cấp giấy chứng nhận số 108 (thửa đất mới sau khi đã chuyển nhượng là số 575), tờ bản đồ số 36, diện tích theo giấy chứng nhận lúc cấp là 1572m²(diện tích còn lại sau khi đã chuyển nhượng là 607,8m²) có tứ cận: Đông giáp thửa 574 dài 45,5m; T giáp thửa 503 dài 45,38m; Nam giáp thửa 397 dài 9,34m; Bắc giáp lộ 20m dài 5,85m; và được quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4, móng gạch đá 4 x 6 nền xi măng, cửa đi khung sắt đóng tole, kèo đòn tay xây dựng, không trần, mái tole có diện tích ngAg 5,8m x dài 09m = 52,2m². Nhà bếp, nhà tạm c, nền xi măng, vách đóng tole, cột kèo đòn tay gỗ tạp, mái tole, diện tích ngAg 5.0m x dài 4,7m = 23,5m².

- Phần đất thứ hai tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, huyện H T (nay thị xã H T), tỉnh T N, đã được Ủy ban nhân dân huyện H T (nay Ủy bA nhân dân thị xã H T), tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00565/03 ngày 17/6/2005; thửa số 27, tờ bản đồ số 11, diện tích 1570,2m² có tứ cận: Đông giáp thửa 32 dài 42m; T giáp thửa 31 dài 42,50m; Nam giáp thửa 35 dài 40m; Bắc giáp thửa 20m dài 27,50m.

- Phần đất thứ ba tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, huyện H T (nay thị xã H T), tỉnh T N, đã được Ủy ban nhân dân huyện H T (nay Ủy bA nhân dân thị xã H T), tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00566/03 ngày 17/6/2005; thửa số 32, tờ bản đồ số 11, diện tích 1170,7m² có tứ cận: Đông giáp đường 10m dài 32m + 12,50m; T giáp thửa 27 dài 42,00m; Nam giáp thửa 34 dài 22m; Bắc giáp thửa 26m dài 29m.

- Phần đất thứ tư tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, huyện H T (nay thị xã H T), tỉnh T N, đã được Ủy ban nhân dân huyện H T (Ủy ban nhân dân thị xã H T), tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00567/03 ngày 17/6/2005; thửa số 34, tờ bản đồ số 11, diện tích 409,4m² có tứ cận: Đông giáp đường 10m dài 19m; T giáp thửa 35 dài 22,5m; Nam giáp mương dài 17,7m; Bắc

giáp thửa 32m dài 22m.

- Phần đất thứ năm tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, huyện H T (nay thị xã H T) tỉnh T N đã được Ủy ban nhân dân huyện H T (nay Ủy ban nhân dân thị xã H T), tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00568/03 ngày 17/6/2005; thửa số 35, tờ bản đồ số 11, diện tích 1193,7m² có tứ cận: Đông giáp thửa 34 dài 22,5m; T giáp thửa 31 dài 33,60m; Nam giáp ruộng dài 46,50m; Bắc giáp thửa 27m dài 40m.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn X đối với chị Đoàn Thị Ánh M và Ah Đặng Văn T2 về việc “*Đòi tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Buộc chị Đoàn Thị Ánh M và Ah Đặng Văn T2 có nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn X 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) mang tên bà Đặng Thị Út cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 202472, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00565/03 ngày 17/6/2005 diện tích 1570,2m² mAg tên bà Đặng Thị Út; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 202473, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00566/03 ngày 17/6/2005 diện tích 1170,7m² mAg tên bà Đặng Thị Út; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 202475, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00568/03 ngày 17/6/2005 diện tích 1193,7m² mAg tên bà Đặng Thị Út; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 080006, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH01221 ngày 27/02/2013 diện tích 1572m², diện tích còn lại 607,8m² mAg tên bà Đặng Thị Út; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 202474, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00567/03 ngày 17/6/2005 diện tích 409,4m² mAg tên bà Đặng Thị Út.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26-05-2020, chị M có đơn kháng cáo không đồng ý Bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau: Trả lại danh dự cho chị do ông X nhiều lần khiêu nạt tố cáo chị chiếm giữ tài sản không hợp pháp. Chị chỉ là người làm hộ thửa kế cho Đặng Minh T, không phải là người nhận thừa kế. Tài sản này bà Út được thừa kế có đúng quy định pháp luật không. Chiếc xe ô tô 7 chỗ do bà Đặng Thị Được mua tặng vợ chồng chị, do vợ chồng chị đứng tên chủ sở hữu, biển số xe 70H-22-42 hiệu xe Suzuki dung tích xi lanh, số máy: F10A-1043587; số khung DA 21WN 100233. Màu S: trắng; đăng ký mới ngày 30-11-1998 bà Út bán gửi tiền vào Ngân hàng lần đầu số tiền 90.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không cung cấp chứng cứ gì mới, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Chị Đoàn Thị Ánh M trình bày: Nguồn gốc đất của bà Út đứng tên là của cụ Ông mẹ ruột bà Út tặng cho bà Út khi cụ Ông còn sống. Đối với 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) của bà Út đứng tên chị đưa cho anh T.

Chị T1 trình bày: Chị đang thuê 04 phần đất của bà Út đứng tên Phần đất thứ nhất tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, huyện H T (nay thị xã H T), tỉnh T

N, đã được Ủy ban nhân dân huyện H T (nay Ủy ban nhân dân thị xã H T), tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00565/03 ngày 17/6/2005; thửa số 27, tờ bản đồ số 11, diện tích 1570,2m²; phần đất thứ hai tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, huyện H T (nay thị xã H T), tỉnh T N, đã được Ủy ban nhân dân huyện H T (nay Ủy ban nhân dân thị xã H T), tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00566/03 ngày 17/6/2005; thửa số 32, tờ bản đồ số 11, diện tích 1170,7m²; phần đất thứ ba tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, huyện H T (nay thị xã H T), tỉnh T N, đã được Ủy ban nhân dân huyện H T (nay Ủy ban nhân dân thị xã H T), tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00567/03 ngày 17/6/2005; thửa số 34, tờ bản đồ số 11, diện tích 409,4m²; phần đất thứ tư tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, huyện H T (nay thị xã H T), tỉnh T N đã được Ủy ban nhân dân huyện H T (nay Ủy ban nhân dân thị xã H T), tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00568/03 ngày 17/6/2005; thửa số 35, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.193,7m² để trồng lúa chi đồng ý giao lại đất cho ông X.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho chị M trình bày: Theo biên bản làm việc ngày 20-4-2017 ông X và các bên đã thống nhất chia di sản thừa kế, trên thực tế chính ông X đã thực hiện bằng việc nhận số tiền 640.000.000 đồng. Ông X cho rằng thư ký ghi sai ý kiến của ông nhưng ông X vẫn phân chia số tiền 640.000.000 đồng ở Ngân hàng. Chị M là cháu dâu, chị M không có hành vi nào trAh chấp, xâm phạm quyền lợi của ông X, lí do ông X khởi kiện là chị M đAg giữ giấy đất. Như vậy đây chỉ là yêu cầu trả lại giấy đất chứ không phải trAh chấp di sản thừa kế. Do đó, Tòa xác định chị M là bị đơn không đúng theo khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các giấy đất chị M giữ là do Ah T là người đưa cho chị M, Ah T là người đã thực hiện theo biên bản ngày 20-4-2017, Ah T cũng ủy quyền nhờ chị M đi làm thủ tục để thực hiện theo biên bản ngày 20-4-2017. Như vậy việc chị M trình bày đã trả lại giấy cho Ah T là đúng quy định về ủy quyền. Nếu ông X muốn trAh chấp di sản thừa kế thì kiện Ah T chứ không phải chị M. Ông X cho rằng đất ở Trường T mà xã Trường H giải quyết là không đúng. Tuy nhiên đây là trAh chấp thừa kế, nơi bà Út chết là ở xã Trường H nên xã Trường H giải quyết là đúng.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị M.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T N:

+Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Đoàn Thị Ánh M.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 12-5-2020 của Tòa án nhân dân thị xã H T, tỉnh T N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tra hỏi tại phiên tòa, ý kiến của luật sư, ý kiến của đại diện viện kiểm sát, xét thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Võ Văn X vắng mặt, người đại diện hợp pháp Ah Diệp Văn C có mặt.

Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Xét kháng cáo của chị Đoàn Thị Ánh M :*

[2.1] Về di sản thừa kế: Bà Út chết để lại 05 phần đất cụ thể: Phần đất thứ nhất tọa lạc tại ấp Trường X, xã Trường H, thị xã H T, tỉnh T N; đã được Ủy ban nhân dân huyện H T (nay là UBND thị xã H T), tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri phát hành là BN 080006, số vào sổ cấp GCN: CH01221 ngày 27/02/2013; thửa đất khi được cấp GCN số 108 (thửa đất mới sau khi đã chuyển nhượng là số 575), tờ bản đồ số 36, diện tích theo GCN lúc cấp là 1572m² (diện tích còn lại sau khi đã chuyển nhượng là 607,8m²) trên đất có 01 căn nhà cấp 4, móng gạch đá 4 x 6 nền xi măng, cửa đi khung sắt đóng tole, kèo đòn tay xây dựng, không trần, mái tole có diện tích ngAg 5,8m x dài 09m = 52,2m². Nhà bếp, nhà tắm c, nền xi măng, vách đóng tole, cột kèo đòn tay gỗ tạp, mái tole, diện tích ngAg 5m x dài 4,7m = 23,5m².

- Phần đất thứ hai tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N; đã được Ủy ban nhân dân huyện H T (nay là UBND thị xã H T), tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00565/03 ngày 17/6/2005; thửa số 27, tờ bản đồ số 11, diện tích 1570,2m².

- Phần đất thứ ba tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N; đã được Ủy ban nhân dân huyện H T (nay là UBND thị xã H T), tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00566/03 ngày 17/6/2005; thửa số 32, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.170,7m².

- Phần đất thứ tư tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N; đã được Ủy ban nhân dân huyện H T (nay là UBND thị xã H T), tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00567/03 ngày 17/6/2005; thửa số 34, tờ bản đồ số 11, diện tích 409,4m².

- Phần đất thứ năm tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N; đã được Ủy ban nhân dân huyện H T (nay là UBND thị xã H T), tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00568/03 ngày 17/6/2005; thửa số 35, tờ bản đồ số 11, diện tích 1193,7m².

Bà Út chết không để lại di chúc, nên di sản được chia theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về hàng thừa kế thứ nhất của bà Út:

Bà Đặng Thị Út và ông Võ Văn X chung sống có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống bà Út và ông X không có con chung, bà Út cũng không có con riêng, không có con nuôi, cha mẹ bà Út là cụ Đặng Văn Bê, cụ Ngô Thị Huê

đã chết năm 2006, bà Út không có cha mẹ nuôi. Theo quy định tại điểm a, Khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự thì ông Võ Văn X là chồng bà Út, là người thừa kế theo pháp luật, thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Út. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao toàn bộ di sản của bà Út để lại cho ông Võ Văn X được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng là đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Đối với kháng cáo của chị M về chiếc xe ô tô 7 chỗ do bà Đặng Thị Được mua tặng vợ chồng chị, do vợ chồng chị đứng tên chủ sở hữu, biển số xe 70H-22-42 hiệu xe Suzuki dung tích xi lanh, số máy: F10A- 1043587; số khung DA 21WN 100233. Màu S: trắng; đăng ký mới ngày 30-11-1998 bà Út bán gửi vào Ngân hàng lần đầu số tiền 90.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[2.4] Đối với 05 (năm) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Út (bản chính), trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm chị M thừa nhận chị đang giữ, tại phiên tòa phúc thẩm chị cho rằng sau khi xét xử sơ thẩm chị giao trả lại 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Út đứng tên (bản chính) cho Ah T nhưng chị M không cung cấp được chứng cứ chứng minh là chị giao lại cho T. Hơn nữa Bản án sơ thẩm tuyên buộc chị M và Ah Đặng Văn T2 có nghĩa vụ giao lại cho ông Võ Văn X 05 (năm) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) mang tên bà Đặng Thị Út. Nên lời trình bày của chị M không có cơ sở .

[3] Tại phiên Tòa chị T1 đồng ý giao trả 04 phần đất chị thuê của bà Út: Phần đất thứ nhất tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N, thửa số 27, tờ bản đồ số 11, diện tích 1570,2m²; phần đất thứ hai tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N, thửa số 32, tờ bản đồ số 11, diện tích 1170,7m²; phần đất thứ ba tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N, thửa số 34, tờ bản đồ số 11, diện tích 409,4m²; phần đất thứ tư tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N thửa số 35, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.193,7m² để trồng lúa cho ông X nên ghi nhận.

[4] Xét lời trình bày của luật sư là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Đoàn Thị Ánh M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 12-5-2020 của Tòa án nhân dân thị xã H T, tỉnh T N.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ.

[7] Án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đoàn Thị Ánh M kháng cáo không được chấp nhận phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm dân sự.

[8] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội xét xử không xem xét giải quyết, có hiệu lực pháp luật hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 609, Điều 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Đoàn Thị Ánh M.
2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 12-5-2020 của Tòa án nhân dân thị xã H T, tỉnh T N.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn X đối với chị Đoàn Thị Ánh M và Ah Đặng Văn T2 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Ông Võ Văn X được quyền quản lý, sử dụng 05 phần đất cụ thể:

- Phần đất thứ nhất tọa lạc tại ấp Trường X, xã Trường H, thị xã H T, tỉnh T N, đã được Ủy ban nhân dân huyện H T (nay là UBND thị xã H T), tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri phát hành là BN 080006, số vào sổ cấp giấy chứng: CH01221 ngày 27/02/2013; thửa đất khi được cấp giấy chứng nhận số 108 (thửa đất mới sau khi đã chuyển nhượng là số 575), tờ bản đồ số 36, diện tích theo giấy chứng nhận lúc cấp là 1572m² (diện tích còn lại sau khi đã chuyển nhượng là 607,8m²) có tứ cận: Đông giáp thửa 574 dài 45,5m; T giáp thửa 503 dài 45,38m; Nam giáp thửa 397 dài 9,34m; Bắc giáp lộ 20m dài 5,85m và được quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4, móng gạch đá 4 x6 nền xi măng, cửa đi khung sắt đóng tole, kèo đòn tay xây dựng, không trần, mái tole có diện tích ngAg 5,8m x dài 09m = 52,2m². Nhà bếp, nhà tạm c, nền xi măng, vách đóng tole, cột kèo đòn tay gỗ tạp, mái tole, diện tích ngAg 5.0m x dài 4,7m = 23,5m².

- Phần đất thứ hai tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N, đã được Ủy ban nhân dân huyện H T (nay là UBND thị xã H T), tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00565/03 ngày 17/6/2005; thửa số 27, tờ bản đồ số 11, diện tích 1570,2m² có tứ cận: Đông giáp thửa 32 dài 42m; T giáp thửa 31 dài 42,50m; Nam giáp thửa 35 dài 40m; Bắc giáp thửa 20m dài 27,50m.

- Phần đất thứ ba tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N, đã được Ủy ban nhân dân huyện H T (nay là UBND thị xã H T), tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00566/03 ngày 17/6/2005; thửa số 32, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.170,7m² có tứ cận: Đông giáp đường 10m dài 32m + 12,50m; T giáp thửa 27 dài 42,00m; Nam giáp thửa 34 dài 22m; Bắc giáp thửa 26m dài 29m.

- Phần đất thứ tư tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N, đã được Ủy ban nhân dân huyện H T (nay là UBND thị xã H T), tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00567/03 ngày 17/6/2005; thửa số 34, tờ bản đồ số 11, diện tích 409,4m² có tứ cận: Đông giáp đường 10m dài 19m; T giáp thửa 35 dài 22,5m; Nam giáp ruộng dài 17,7m; Bắc giáp thửa 32m dài 22m.

- Phần đất thứ năm tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N đã được Ủy ban nhân dân huyện H T (nay là UBND thị xã H T), tỉnh T N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00568/03 ngày 17/6/2005; thửa số 35, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.193,7m² có tứ cận: Đông giáp thửa 34 dài 22,5m; T giáp thửa 31 dài 33,60m; Nam giáp nương dài 46,50m; Bắc giáp thửa 27m dài 40m.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn X đối với chị Đoàn Thị Ánh M và Anh Đặng Văn T2 về việc “Đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

5. Buộc chị Đoàn Thị Ánh M và Anh Đặng Văn T2 có nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn X 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) mang tên bà Đặng Thị Út cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 202472, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00565/03 ngày 17/6/2005 diện tích 1570,2m² mang tên bà Đặng Thị Út; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 202473, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00566/03 ngày 17/6/2005 diện tích 1170,7m² mang tên bà Đặng Thị Út; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 202475, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00568/03 ngày 17/6/2005 diện tích 1193,7m² mang tên bà Đặng Thị Út; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 080006, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH01221 ngày 27/02/2013 diện tích 1.572m², diện tích còn lại 607,8m² mang tên bà Đặng Thị Út; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 202474, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00567/03 ngày 17/6/2005 diện tích 409,4m² mang tên bà Đặng Thị Út.

6. Ghi nhận chị T tự nguyện đồng ý giao trả cho ông Võ Văn X 04 phần đất. Phần đất thứ nhất tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N, thửa số 27, tờ bản đồ số 11, diện tích 1570,2m²; phần đất thứ hai tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N, thửa số 32, tờ bản đồ số 11, diện tích 1170,7m²; Phần đất thứ ba tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N, thửa số 34, tờ bản đồ số 11, diện tích 409,4m²; phần đất thứ tư tọa lạc tại ấp Trường A, xã Trường T, thị xã H T, tỉnh T N thửa số 35, tờ bản đồ số 11, diện tích 1193,7m² để trồng lúa cho ông Võ Văn X nên ghi nhận.

7. Về chi phí đo đạc, định giá tài sản: Võ Văn X tự nguyện chịu 5.100.000 đồng (năm triệu một trăm nghìn đồng), ghi nhận ông X đã nộp và chi phí xong.

8. Về án phí:

8.1 phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn X thuộc diện người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

Chị Đoàn Thị Ánh M và Anh Đặng Văn T2 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

8.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Đoàn Thị Ánh M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008786 ngày 27-5-2020 của chi Cục thi hành án dân sự thị xã H T, tỉnh T N.

9. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội xét xử không xem xét giải quyết, có hiệu lực pháp luật hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

10. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- CC.THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Vân